

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE
- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tùng Chinh
2. Ông Hồ Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phùng Văn T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp S, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre (Có mặt).
2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp S, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phùng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị M kết hôn vào năm 1977, đến năm 1996 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M1 (nay là B), tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại xã C. Vợ chồng sống hạnh phúc đến

năm 2011 thì không còn hạnh phúc và đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà M không tôn trọng ý kiến của ông. Ông không đồng ý cho con gái có quan hệ tình cảm với bạn trai có hành vi cờ bạc, nhưng bà M lại cho bạn trai của con gái về nhà sống chung mà không được sự cho phép của ông. Nay ông thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị M.

Về con chung: Ông và bà M có 01 con chung tên Phùng Thị D, sinh năm 1978 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất với trình của ông T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống cũng như thời gian sống ly thân. Tuy nhiên, bà thấy giữa bà và ông T không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ bất đồng về mối quan hệ tình cảm của con gái nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Phùng Thị D, sinh năm 1978 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phùng Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị M trú tại ấp S, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ông Phùng Văn T đối với bà Huỳnh Thị M, thấy rằng:

Về hôn nhân: Ông Phùng Văn T và bà Huỳnh Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông T nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà M không tôn trọng ý kiến của ông. Bà M thì cho rằng giữa bà và ông T không có mâu thuẫn lớn, chỉ bất đồng về mối quan hệ tình cảm của con gái nên bà không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của ông T và bà M đã tồn tại một thời gian dài, đã có với nhau một con chung nhưng ông bà không biết vun đắp tình cảm, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ mà ngược lại đã để cho những mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nghiêm trọng dẫn đến ông T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà M. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M không đồng ý ly hôn và mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ với ông T nhưng bà không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm với ông T. Mặt khác, ông T và bà M đều thừa nhận ông bà đã không sống cùng nhau từ năm 2011 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, cho ông T và bà M ly hôn nhau.

Về con chung: Ông T và bà M có 01 con chung tên Phùng Thị D, sinh năm 1978 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà M thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Phùng Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T.

Ông Phùng Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị M.

[2] Về con chung: Ông Phùng Văn T và bà Huỳnh Thị M có 01 con chung tên Phùng Thị D, sinh năm 1978 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Phùng Văn T và bà Huỳnh Thị M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Phùng Văn T và bà Huỳnh Thị M thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phùng Văn T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000435 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã C (79; 18/9/1996) (1b);
- Đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Đĩnh